

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 04-4-2025

V/v tranh chấp hợp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Thành Nam;

Ông Lâm Trần Ngoan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 và ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Phan Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Lâm Xuân Minh N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20-9-2024).

- **Bị đơn:** Lê Văn M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà N1 có đơn xin vắng mặt; ông M vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị L và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là bà Lâm Xuân Minh N:** Vào ngày 17-6-2024, ông M có đến gặp bà L để vay số tiền là 70.000.000 đồng (có làm Biên nhận ngày 17-6-2024), hẹn trong biên nhận là 15 ngày sẽ trả mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng, không có lãi. Thế nhưng đến hẹn thì ông M không trả và bà L đã liên hệ nhiều lần nhưng ông M cứ hẹn lần hẹn lượt mà không trả. Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc M có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn Lê Văn M:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Phan Thị L yêu cầu ông Lê Văn M trả số tiền vay còn thiếu gốc 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Nhận thấy: Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 17-6-2024 giữa bà L và ông M thể hiện bà L có cho ông M vay số tiền 70.000.000 đồng có chữ ký của ông M và ông M không trả số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng, do đó bà L yêu cầu ông M trả số tiền vay 70.000.000 đồng là có cơ sở.

Bị đơn Lê Văn M có vay nợ và Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng công khai tại nơi cư trú, Ủy ban nhân dân xã T, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nhưng bị đơn Lê Văn M không liên hệ Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến gì về yêu cầu của bà L do đó bị đơn Lê Văn M phải chịu hậu quả cho việc không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 440, 463, 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị L, buộc ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị L số tiền vay còn thiếu gốc là 70.000.000 đồng.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý

kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn Lê Văn M vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị L là bà Lâm Xuân Minh N có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn Lê Văn M và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn Lê Văn M không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn có giao nộp cho Tòa án biên nhận ngày 17-6-2024 đã ghi rõ số tiền nợ phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông M và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng ông M không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Ông M không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án nên ông M phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh sự phản đối yêu cầu của bà L. Từ đó chấp nhận

yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc như nêu trên là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ để chấp nhận, buộc ông M có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này bị đơn Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phan Thị L số tiền là 70.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu $5\% \times 70.000.000 \text{ đồng} = 3.500.000 \text{ đồng}$ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn Phan Thị L không phải chịu án phí nên được nhận lại 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Tăng Thị L1 nộp thay) theo Biên lai thu số: 0010324 ngày 21-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị L.

Buộc ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị L số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn M phải có nghĩa vụ chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí.

Bà Phan Thị L không phải chịu án phí nên được nhận lại 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Tăng Thị L1 nộp thay) theo Biên lai thu số: 0010324 ngày 21-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Dương